

YÊU CẦU CHECK KỸ THÔNG TIN CÁ NHÂN- SAI BẢO LÚC CHỤP ẢNH ĐỀ SỬA LẠI

SỐ THỨ TỰ KHÔNG PHẢI LÀ SỐ BẢO DANH- SỐ BẢO DANH DÂN HỘM THI Ở SÂN THI

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH 7H30 SÁNG 22/2/2025 THỨ 7- SÂN ĐH THÀNH ĐỒ -SĐT HỖ TRỢ CÁC VƯỚNG MẮC KHI ĐI THI 0976357342 (ANH QUỲ)

Cấp giấy phép lái xe hạng: A1

Khóa: 01069K25A1009

Ngày khai giảng: 08/02/2025

Ngày mãn khóa: 12/02/2025

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Nơi đăng ký hộ khẩu	Giấy CNSK hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Thâm niên lái xe		Số chứng chỉ nghề, giấy chứng nhận tốt nghiệp	Ghi chú
							Số năm lái xe	Số Km lái xe an toàn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	ĐÌNH BẢO ANH	02/10/2006	040206022854	Thôn Ngọc Đoài X. Quỳnh Ngọc, H. Quỳnh Lưu, T. Nghệ An	x		0	0		
2	LÊ THẾ ANH	22/05/2006	038206020490	X. Cán Khê, H. Như Thanh, T. Thanh Hóa	x		0	0		
3	LƯƠNG VIỆT ANH	28/09/2006	001206034075	Ngọc Kiên X. Cỏ Đông, TX. Sơn Tây, TP. Hà Nội	x		0	0		
4	NGUYỄN HÀ CHÂU ANH	19/12/2006	001306065317	Thôn Thạch X. Thạch Xá, H. Thạch Thất, TP. Hà Nội	x		0	0		
5	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	14/12/2006	014306000684	Tdp Số 10 P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	x		0	0		
6	NGUYỄN TUẤN ANH	08/07/2006	001206030940	Số 6 Ngõ 2 Hà Tri 4 P. Hà Cầu, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội	x		0	0		
7	NGUYỄN VIỆT ANH	28/10/2003	001203014353	Tdp Số 2 P. Phú Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội	x		0	0		
8	PHẠM NGỌC DUY ANH	14/09/2006	038206017792	Lê Lai TT. Ngọc Lặc, H. Ngọc Lặc, T. Thanh Hóa	x		0	0		
9	TÔ VIỆT ANH	26/04/2006	001206006202	P114 C1 P. Nghĩa Tân, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	x		0	0		
10	TRẦN THỊ MAI ANH	15/05/2004	001304020840	Thôn 10 X. Trung Châu, H. Đan Phượng, TP. Hà Nội	x		0	0		
11	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	16/12/2005	024305009861	Thôn Ninh Tiến X. Tiến Dũng, H. Yên Dũng, T. Bắc Giang	x		0	0		
12	NGUYỄN TRÍ BẢO	01/03/2001	037201006073	Thôn Lão Cầu X. Văn Phú, H. Nho Quan, T. Ninh Bình	x		0	0		
13	VŨ THỊ NGỌC BÍCH	12/09/1997	031197013822	Tdp Đông Hưng P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	x		0	0		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Nơi đăng ký hộ khẩu	Giấy CNSK hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Thâm niên lái xe		Số chứng chỉ nghề, giấy chứng nhận tốt nghiệp	Ghi chú
							Số năm lái xe	Số Km lái xe an toàn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
14	PHẠM VĂN CĂN	26/10/2006	001206023059	Tảo Dương X. Hồng Dương, H. Thanh Oai, TP. Hà Nội	x		0	0		
15	TRẦN THỊ MINH CHÂU	15/12/2004	017304000609	Tổ 1 P. Dân Chủ, TP. Hòa Bình, T. Hòa Bình	x		0	0		
16	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	30/06/1998	001098021078	Thôn Giếng X. Hữu Bằng, H. Thạch Thất, TP. Hà Nội	x		0	0		
17	GIÁP HUY ĐĂNG	05/09/2006	024206012086	Thôn Đông La X. Quế Nham, H. Tân Yên, T. Bắc Giang	x		0	0		
18	NGUYỄN ĐỨC ĐẠT	27/07/2002	031202003606	Thôn 5 X. Tân Dương, H. Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng	x		0	0		
19	NGUYỄN THẾ ĐẠT	27/10/2006	001206072379	Thôn Đầu Tranh X. La Phù, H. Hòa Đức, TP. Hà Nội	x		0	0		
20	NGUYỄN THỊ THÁI DIỆP	12/11/2006	033306000617	Thôn Thụy Lôi X. Thụy Lôi, H. Tiên Lữ, T. Hưng Yên	x		0	0		
21	TRẦN QUANG ĐÔ	26/02/1997	027097007897	Thôn Tam Sơn X. Tân Lãng, H. Lương Tài, T. Bắc Ninh	x		0	0		
22	TẠ QUANG ĐỘ	14/08/2003	024203012753	X. Hợp Thịnh, H. Hiệp Hòa, T. Bắc Giang	x		0	0		
23	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ĐÔNG	21/10/2003	001303030824	Thôn Yên Dục X. Hiệp Thuận, H. Phúc Thọ, TP. Hà Nội	x		0	0		
24	ĐÀM CHUNG ĐỨC	12/01/1998	038098009435	Thạc Quả X. Yên Trường, H. Yên Định, T. Thanh Hóa	x		0	0		
25	NGUYỄN MINH ĐỨC	12/12/2006	006206001890	Tổ 6 P. Nguyễn Thị Minh Khai, TX. Bắc Kạn, T. Bắc Kạn	x		0	0		
26	PHẠM MINH ĐỨC	20/09/2006	030206002347	Tdp Số 8 Phú Mỹ P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội	x		0	0		
27	TRẦN VŨ MẠNH ĐỨC	07/11/2005	040205001291	Tổ 36 P. Hòa An, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng	x		0	0		
28	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG	20/06/2006	035306005310	Thôn Hội Động X. Đức Lý, H. Lý Nhân, T. Hà Nam	x		0	0		
29	VŨ THỊ THANH DUNG	31/05/2003	015303002144	Thôn Trung Tâm X. Thịnh Hưng, H. Yên Bình, T. Yên Bái	x		0	0		
30	CHU TIẾN DŨNG	25/09/1987	001087016221	Xuân La X. Phượng Dực, H. Phú Xuyên, TP. Hà Nội	x		0	0		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Nơi đăng ký hộ khẩu	Giấy CNSK hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Thâm niên lái xe		Số chứng chỉ nghề, giấy chứng nhận tốt nghiệp	Ghi chú
							Số năm lái xe	Số Km lái xe an toàn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
31	NGUYỄN CHÍ DŨNG	29/04/2006	001206026306	248B An Dương P. Yên Phụ, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội	x		0	0		
32	NGUYỄN TRUNG DŨNG	18/04/2005	001205050914	Thôn Thái Hòa X. Bình Phú, H. Thạch Thất, TP. Hà Nội	x		0	0		
33	LÊ HẢI DƯƠNG	19/07/2006	042206000547	TT. Thạch Hà, H. Thạch Hà, T. Hà Tĩnh	x		0	0		
34	TRẦN KHÁNH DƯƠNG	27/11/2005	025205011692	Trung Thuận 2 X. Yên Tập, H. Cẩm Khê, T. Phú Thọ	x		0	0		
35	TRƯƠNG TRIỀU DƯƠNG	23/10/2006	038206001987	Tdp Hạ 10 P. Tây Tựu, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội	x		0	0		
36	ĐỖ ĐỨC DUY	09/05/2004	034204008670	Khám Lương X. Tân Hòa, H. Hưng Hà, T. Thái Bình	x		0	0		
37	HOÀNG QUỐC DUY	25/08/2005	036205016698	Thôn 2 X. Yên Quang, H. ý Yên, T. Nam Định	x		0	0		
38	TRẦN THỊ DUYÊN	14/10/2003	036303012577	Xóm Tây Cát X. Hải Đông, H. Hải Hậu, T. Nam Định	x		0	0		
39	PHẠM TRƯỜNG GIANG	20/06/2004	001204054230	Đội 9 X. Tự Nhiên, H. Thường Tín, TP. Hà Nội	x		0	0		
40	HOÀNG VIỆT HÀ	12/02/2005	017205003235	Tổ 16 P. Tân Thịnh, TP. Hòa Bình, T. Hòa Bình	x		0	0		
41	BÙI CAO HẰNG	12/09/2005	231305000069	Tổ 21 P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	x		0	0		
42	NGUYỄN THANH HẰNG	18/08/1999	030199003568	Thôn Hồ Sếu X. Hoàng Hoa Thám, TP. Chí Linh, T. Hải Dương	x		0	0		
43	NGUYỄN THỊ HẠNH	19/11/2002	022302003326	Tổ 7 Vạn Yên P. Việt Hưng, TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh	x		0	0		
44	ĐỖ VĂN HIỀN	12/03/1998	001098013805	Thôn 7 X. Liên Hiệp, H. Phúc Thọ, TP. Hà Nội	x		0	0		
45	NGUYỄN MAI HIỀN	11/02/2004	025304008262	P. Thọ Sơn, TP. Việt Trì, T. Phú Thọ	x		0	0		
46	NGUYỄN PHAN MINH HIỀN	22/06/2005	001305002121	P310 D8 P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	x		0	0		
47	NGUYỄN TIẾN HIẾU	12/09/1998	001098017160	Thôn Đông X. Hữu Bằng, H. Thạch Thất, TP. Hà Nội	x		0	0		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Nơi đăng ký hộ khẩu	Giấy CNSK hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Thâm niên lái xe		Số chứng chỉ nghề, giấy chứng nhận tốt nghiệp	Ghi chú
							Số năm lái xe	Số Km lái xe an toàn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
48	NGUYỄN THỊ HOA	16/08/1995	008195008198	Thôn Đẩu Tranh X. La Phù, H. Hoài Đức, TP. Hà Nội	x		0	0		
49	PHẠM THỊ THU HÒA	21/12/2001	025301004533	Khu Xóm Chùa X. Thụy Liễu, H. Cẩm Khê, T. Phú Thọ	x		0	0		
50	TRẦN THỊ HÒA	29/06/2002	040302005904	Xóm 1 X. Trung Sơn, H. Đô Lương, T. Nghệ An	x		0	0		
51	VÕ MINH HOÀNG	14/08/2000	001200024755	P401 A11 P. Thanh Xuân Bắc, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội	x		0	0		
52	VŨ MINH HOÀNG	28/09/2000	037200001823	Phố Mỹ Lộ TT. Thiên Tôn, H. Hoa Lư, T. Ninh Bình	x		0	0		
53	LƯỠNG THỊ MAI HỒNG	26/06/2000	001300023889	Thôn Bùng X. Phùng Xá, H. Thạch Thất, TP. Hà Nội	x		0	0		
54	NGUYỄN THỊ HỒNG	08/08/1999	019199007367	Xóm Đồng Bàu X. Tân Khánh, H. Phú Bình, T. Thái Nguyên	x		0	0		
55	ĐỖ THỊ HỢP	03/10/1985	001185024574	Đầu Làng X. Bình Phú, H. Thạch Thất, TP. Hà Nội	x		0	0		
56	ĐINH MẠNH HÙNG	14/03/2006	037206002569	Văn Lâm X. Ninh Hải, H. Hoa Lư, T. Ninh Bình	x		0	0		
57	HÀ HUY HÙNG	05/01/2001	040201023340	Xóm Thị Tứ X. Tân Thành, H. Yên Thành, T. Nghệ An	x		0	0		
58	LÊ DƯƠNG HÙNG	25/09/2005	038205009729	Kp Vĩnh Long 2 TT. Bến Sung, H. Như Thanh, T. Thanh Hóa	x		0	0		
59	NGUYỄN TRỊNH HÙNG	06/11/1992	034092006711	Thôn Đà Giang X. Nguyên Xá, H. Đông Hưng, T. Thái Bình	x		0	0		
60	QUẢNG TUẤN HÙNG	03/09/2006	014206004435	Bản Mường Tở X. Mường Hung, H. Sông Mã, T. Sơn La	x		0	0		
61	TRẦN DUY HÙNG	16/06/2005	001205011665	A45 Tổ 15 P. Nghĩa Tân, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	x		0	0		
62	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	15/08/1986	025186010852	Thôn Đẩu Tranh X. La Phù, H. Hoài Đức, TP. Hà Nội	x		0	0		
63	ĐOÀN THỊ THU HƯỜNG	13/11/1990	030190001237	Tổ 3 Cụm 4 P. Khương Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội	x		0	0		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Nơi đăng ký hộ khẩu	Giấy CNSK hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Thâm niên lái xe		Số chứng chỉ nghề, giấy chứng nhận tốt nghiệp	Ghi chú
							Số năm lái xe	Số Km lái xe an toàn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
64	VŨ NGỌC HƯỜNG	26/08/1994	036094021056	Xóm 2 X. Xuân Phú, H. Xuân Trường, T. Nam Định	x		0	0		
65	HOÀNG GIA HUY	10/07/2003	001203050500	Đội 4 Thọ Sơn TT. Đại Nghĩa, H. Mỹ Đức, TP. Hà Nội	x		0	0		
66	NGUYỄN QUANG HUY	14/12/2006	010206007470	Tổ 12 P. Pom Hán, TP. Lào Cai, T. Lào Cai	x		0	0		
67	BÙI MINH HUYỀN	25/07/2002	017302003490	Xóm Tiền Phong X. Nhân Nghĩa, H. Lạc Sơn, T. Hòa Bình	x		0	0		
68	NGÔ THỊ THU HUYỀN	19/09/2003	001303049514	Thôn Vân Hội X. Phong Vân, H. Ba Vì, TP. Hà Nội	x		0	0		
69	LÊ NAM KHÁNH	09/12/2006	042206004826	P. Trần Phú, TP. Hà Tĩnh, T. Hà Tĩnh	x		0	0		
70	TRẦN HƯNG KHÁNH	03/02/2007	001207002032	Ngõ 3 Hà Tri 4 P. Hà Cầu, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội	x		0	0		
71	ĐỖ ĐỨC KIÊN	03/11/2006	001206006073	Thôn 4 X. Song Phương, H. Hoài Đức, TP. Hà Nội	x		0	0		
72	HÀ KIÊN	11/01/2006	026206002455	Tt Chu Văn An P. Nghĩa Tân, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	x		0	0		
73	DƯƠNG Tú LAM	15/09/2001	001201027661	Thôn Cự Lộc X. Xuân Đình, H. Phúc Thọ, TP. Hà Nội	x		0	0		
74	NGÔ ĐỨC LÂM	09/02/2004	034204011176	Tổ 13 P. Thanh Trì, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội	x		0	0		
75	NGUYỄN NGỌC LÂM	21/01/1999	001099023123	Tdp Xuân Nhang 1 P. Xuân Đình, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội	x		0	0		
76	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	19/05/1994	025194011585	Cc Intra Riverside X. Vĩnh Ngọc, H. Đông Anh, TP. Hà Nội	x		0	0		
77	NGUYỄN THỊ LIÊN	11/10/1994	001194021018	Đội 10 Đức Thụ X. Lê Thanh, H. Mỹ Đức, TP. Hà Nội	x		0	0		
78	BÙI GIA LINH	24/10/2003	037303004505	Thôn Vĩnh Khương X. Yên Sơn, TX. Tam Điệp, T. Ninh Bình	x		0	0		
79	ĐỖ THỊ THÙY LINH	26/07/2003	037303002465	Xóm 12 X. Khánh Thành, H. Yên Khánh, T. Ninh Bình	x		0	0		
80	LÊ THỊ LINH	10/09/1999	038199006031	Trụ Thượng P. Đồng Lạc, TP. Chí Linh, T. Hải Dương	x		0	0		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Nơi đăng ký hộ khẩu	Giấy CNSK hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Thâm niên lái xe		Số chứng chỉ nghề, giấy chứng nhận tốt nghiệp	Ghi chú
							Số năm lái xe	Số Km lái xe an toàn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
81	LÊ THỊ DIỆU LINH	25/12/2004	036304011488	Xóm 23 X. Nam Tiến, H. Nam Trực, T. Nam Định	x		0	0		
82	NGUYỄN NHẬT LINH	24/01/2000	040200000626	Xóm 5 X. Nghi Lâm, H. Nghi Lộc, T. Nghệ An	x		0	0		
83	ĐỖ THỊ LOAN	03/10/2004	001304041622	X. Bình Phú, H. Thạch Thất, TP. Hà Nội	x		0	0		
84	BÙI HẢI LONG	03/09/2004	001204004091	Tổ 11 P. Bồ Đề, Q. Long Biên, TP. Hà Nội	x		0	0		
85	ĐỖ NGUYỄN HẢI LONG	13/09/2004	001204011404	Cụm 3 P. Liễu Giai, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	x		0	0		
86	NGUYỄN HẢI LONG	04/01/2003	036203000174	Thôn Đô Quan X. Nam Lợi, H. Nam Trực, T. Nam Định	x		0	0		
87	NGUYỄN KHẢ MẠNH	14/12/2006	001206085343	Thôn Bùng X. Phùng Xá, H. Thạch Thất, TP. Hà Nội	x		0	0		
88	NGUYỄN VĂN MẠNH	25/09/2002	038202002001	Thôn Chiến Thắng X. Ngự Lộc, H. Hậu Lộc, T. Thanh Hóa	x		0	0		
89	BÙI NHẬT MINH	06/08/2005	001205029123	Thu Quế X. Song Phượng, H. Đan Phượng, TP. Hà Nội	x		0	0		
90	NGUYỄN BÁ MINH	13/02/2002	001202009374	Cụm 1 X. Liên Hà, H. Đan Phượng, TP. Hà Nội	x		0	0		
91	TẠ HOÀNG NHẬT MINH	20/01/2007	001207023575	Làng Thủ Lệ P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	x		0	0		
92	VŨ ĐỨC QUANG MINH	28/06/2005	031205002063	Tổ Phương Khê P. Đồng Hòa, Q. Kiến An, TP. Hải Phòng	x		0	0		
93	TRẦN VŨ TRẢ MY	16/09/2003	040303005430	26 Hòa An 19 P. Hòa An, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng	x		0	0		
94	LÊ ĐĂNG HẢI NAM	08/09/2006	030206002415	Thôn Hạ Vĩnh X. Thanh Quang, H. Thanh Hà, T. Hải Dương	x		0	0		
95	TRƯƠNG THỊ NGÀ	11/08/1996	038196021784	Thôn Chuế 1 X. Hoàng Yên, H. Hoàng Hóa, T. Thanh Hóa	x		0	0		
96	ĐẶNG TRẦN MINH NGỌC	08/09/2005	038205007776	Tổ 71 Đê La Thành P. Thổ Quan, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	x		0	0		
97	DƯƠNG THỊ HOÀI NGỌC	23/08/2002	037302001612	Thôn Lại Các X. Quỳnh Lưu, H. Nho Quan, T. Ninh Bình	x		0	0		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Nơi đăng ký hộ khẩu	Giấy CNSK hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Thâm niên lái xe		Số chứng chỉ nghề, giấy chứng nhận tốt nghiệp	Ghi chú
							Số năm lái xe	Số Km lái xe an toàn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
98	NGUYỄN MINH NGỌC	08/01/2006	001306021544	Xã Đàn 2 P. Nam Đồng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	x		0	0		
99	NGUYỄN THỊ XUÂN NGỌC	19/04/1995	031195009228	Đoạn Xá 5 P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	x		0	0		
100	PHAN HUY NHÂN	13/09/1995	001095000878	203 Tt Viện Kiểm Sát P. Giảng Võ, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	x		0	0		
101	PHẠM NGỌC NHẬT	03/01/2002	015202002849	Thôn Bằng Là 2 X. Đại Lịch, H. Văn Chấn, T. Yên Bái	x		0	0		
102	TRƯƠNG THỊ KIỀU NHI	12/03/1991	086191006658	Khóm 3 P. Cái Vồn, TX. Bình Minh, T. Vĩnh Long	x		0	0		
103	CHU THỊ HỒNG NHUNG	02/06/2003	036303009478	Thôn Cổ Lũng X. Bình Minh, H. Nam Trực, T. Nam Định	x		0	0		
104	ĐOÀN PHƯƠNG NHUNG	16/03/2001	025301003680	Khu 7 X. Sơn Thủy, H. Thanh Thủy, T. Phú Thọ	x		0	0		
105	NGUYỄN TUẤN PHONG	19/12/2006	001206019687	Tổ 16 P. Đức Giang, Q. Long Biên, TP. Hà Nội	x		0	0		
106	NGUYỄN ANH QUÂN	13/06/2006	001206022124	Ngõ 357 Bạch Mai P. Bạch Mai, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	x		0	0		
107	NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	23/09/2006	001206074230	Phường Quế X. Liên Phường, H. Thường Tín, TP. Hà Nội	x		0	0		
108	PHAN HUY QUANG	03/01/2004	040204000060	Kđtm Dv P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	x		0	0		
109	ĐỖ THỊ LỆ QUYÊN	24/11/2006	001306065567	Thôn Bùng X. Phùng Xá, H. Thạch Thất, TP. Hà Nội	x		0	0		
110	LÊ THỊ QUYÊN	17/12/2006	014306011363	Bản Có Tình X. Chiềng Kheo, H. Mai Sơn, T. Sơn La	x		0	0		
111	LÊ NIÊN TOÀN QUYÊN	18/12/2006	038206019349	Thôn Tuyên Hóa X. Đông Khê, H. Đông Sơn, T. Thanh Hóa	x		0	0		
112	BÙI THỊ QUỲNH	25/09/2001	022301005480	Thôn 6 X. Quảng Thịnh, H. Hải Hà, T. Quảng Ninh	x		0	0		
113	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	15/08/2003	001303006712	Tdp 11 P. Kiến Hưng, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội	x		0	0		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Nơi đăng ký hộ khẩu	Giấy CNSK hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Thâm niên lái xe		Số chứng chỉ nghề, giấy chứng nhận tốt nghiệp	Ghi chú
							Số năm lái xe	Số Km lái xe an toàn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
114	LÊ TẤN SANG	21/09/2004	038204007327	Thôn 8 X. Vĩnh Hưng, H. Vĩnh Lộc, T. Thanh Hóa	x		0	0		
115	TRẦN HOÀI SƠN	02/10/1997	035097000722	Thôn 4 X. Vũ Bản, H. Bình Lục, T. Hà Nam	x		0	0		
116	HOÀNG VĂN TÂN	13/10/2006	034206007526	Trục Nam X. Nam Thắng, H. Tiền Hải, T. Thái Bình	x		0	0		
117	NGUYỄN TIẾN THẮNG	14/11/2003	027203009974	Thôn Ngô Nội X. Trung Nghĩa, H. Yên Phong, T. Bắc Ninh	x		0	0		
118	NGUYỄN THỊ THANH	08/05/1995	001195044683	Cụm 10 X. Tân Hội, H. Đan Phượng, TP. Hà Nội	x		0	0		
119	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	16/05/1998	001098015809	Thôn Đông X. Hữu Bằng, H. Thạch Thất, TP. Hà Nội	x		0	0		
120	PHẠM THỊ THẢO	16/06/2005	037305002202	Xóm Khanh Hải X. Văn Hải, H. Kim Sơn, T. Ninh Bình	x		0	0		
121	HOÀNG NGUYỄN THI	12/03/2002	001302018657	147 Đội Cấn P. Đội Cấn, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	x		0	0		
122	LÊ THỊ THANH THU	16/12/2006	001306050893	Thôn Mai Trai X. Vạn Thắng, H. Ba Vì, TP. Hà Nội	x		0	0		
123	NGUYỄN ANH THU	22/03/2003	036303012829	Xóm 12 X. Xuân Thủy, H. Xuân Trường, T. Nam Định	x		0	0		
124	NGUYỄN MINH THU	22/03/2003	036303012774	Xóm 12 X. Xuân Thủy, H. Xuân Trường, T. Nam Định	x		0	0		
125	NGUYỄN THỊ THU	16/07/2000	001300028359	Cuối Chùa X. Bình Phú, H. Thạch Thất, TP. Hà Nội	x		0	0		
126	NGUYỄN THỊ MINH THU	12/12/2006	022306012034	Vĩnh Quang 2 TT. Mạo Khê, H. Đông Triều, T. Quảng Ninh	x		0	0		
127	TRỊNH THỊ ÁNH THU	15/12/2006	038306014923	Mình Thượng X. Thiệu Công, H. Thiệu Hóa, T. Thanh Hóa	x		0	0		
128	VŨ THỊ BIÊN THÙY	19/11/2002	034302001587	TT. Diêm Điền, H. Thái Thụy, T. Thái Bình	x		0	0		
129	ĐỖ THỊ THÙY	17/12/2000	001300039841	Tổ 12 P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	x		0	0		
130	NGUYỄN THANH THỦY	03/03/2006	001306001571	Khu Phố 8 P. Quang Trung, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội	x		0	0		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Nơi đăng ký hộ khẩu	Giấy CNSK hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Thâm niên lái xe		Số chứng chỉ nghề, giấy chứng nhận tốt nghiệp	Ghi chú
							Số năm lái xe	Số Km lái xe an toàn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
131	NGUYỄN THỊ THÚY	25/01/2001	001301034794	Lai Cách X. Xuân Giang, H. Sóc Sơn, TP. Hà Nội	x		0	0		
132	NGUYỄN THỊ TÍNH	03/05/1990	027190012858	Xóm 3 Hội Xá X. Hương Sơn, H. Mỹ Đức, TP. Hà Nội	x		0	0		
133	TRẦN HỮU TOÀN	08/10/2003	001203005971	Ngõ 5 Cầu Đor 4 P. Hà Cầu, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội	x		0	0		
134	ĐÀO NHẬT TÔN	05/01/2007	001207029724	Ngõ 90 Đường Bưởi P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	x		0	0		
135	LÊ HUYỀN TRÂM	29/09/2004	001304006969	Xóm 13 Hậu Ái X. Vân Canh, H. Hoài Đức, TP. Hà Nội	x		0	0		
136	HOÀNG THU TRANG	14/05/2005	001305045300	Thôn Liên Đàm X. Yên Thường, H. Gia Lâm, TP. Hà Nội	x		0	0		
137	LÊ MINH TRANG	28/06/2004	038304005407	Bào Ngoại P. Đông Hương, TP. Thanh Hóa, T. Thanh Hóa	x		0	0		
138	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	17/04/1991	001191015298	62 Hàng Cót P. Hàng Mã, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	x		0	0		
139	NGUYỄN THÀNH TRUNG	18/12/2005	001205011578	Tdp 14 P. Nghĩa Tân, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	x		0	0		
140	PHẠM THÀNH TRUNG	28/12/2006	001206009170	Tổ 10 P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	x		0	0		
141	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	08/12/1989	037089005784	Xóm 10C X. Khánh Nhạc, H. Yên Khánh, T. Ninh Bình	x		0	0		
142	HỒ CẨM TÚ	24/06/2002	001302021596	Hướng Dương X. Thắng Lợi, H. Thường Tín, TP. Hà Nội	x		0	0		
143	TRẦN ANH TUẤN	24/11/1969	036069000043	Tt Đh Luật P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	x		0	0		
144	NGUYỄN THIÊN TÙNG	15/06/2004	034204011065	Hùng Lộc X. Quỳnh Mỹ, H. Quỳnh Phụ, T. Thái Bình	x		0	0		
145	TRẦN THỊ THU VÂN	29/09/2006	022306000956	Khu 2 P. Hòa Lạc, TP. Móng Cái, T. Quảng Ninh	x		0	0		
146	HÀ HỮU VĂN	24/06/2006	001206027166	Tdp Hồng Phong P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội	x		0	0		
147	NGUYỄN HỮU VIỆT	26/08/1998	001098001606	Thôn Si Chợ X. Hữu Bằng, H. Thạch Thất, TP. Hà Nội	x		0	0		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Nơi đăng ký hộ khẩu	Giấy CNSK hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Thâm niên lái xe		Số chứng chỉ nghề, giấy chứng nhận tốt nghiệp	Ghi chú
							Số năm lái xe	Số Km lái xe an toàn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
148	TRẦN TRUNG VIỆT	10/05/2000	035200007308	Thôn 4 X. Vũ Bản, H. Bình Lục, T. Hà Nam	x		0	0		
149	VÕ THỊ VINH	10/01/1998	034198006162	Tổ 9 P. Đoàn Kết, TP. Lai Châu, T. Lai Châu	x		0	0		
150	ĐOÀN THỊ YẾN	09/11/2003	001303033651	Thôn Bảo Lộc 1 X. Võng Xuyên, H. Phúc Thọ, TP. Hà Nội	x		0	0		

Ngày 19 tháng 02 năm 2025

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)